

Bản án số: 08/2025/DS-ST
Ngày: 18/02/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 831/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 354/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Chung Xuân M, địa chỉ: Lầu A, Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 2212/2024/UQ-TT.XLN ngày 12/11/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Đặng Thị Mai H, sinh năm 1970. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số H L, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/8/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có bà Nguyễn Chung Xuân M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/10/2020, bà Đặng Thị Mai H có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà H loại thẻ Visa số thẻ 436438-2059 với hạn mức sử dụng số tiền 62.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 103.558.637 đồng. Bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 95.832.085 đồng, số tiền được thanh toán thì Ngân hàng áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (trừ phí/lãi của kỳ trước, giao dịch sau). Cụ thể sẽ ưu tiên trừ vào phí trễ hạn **2.379.292 đồng**, trừ phí khác **2.218.000 đồng**, lãi trong hạn 36.254.898 đồng, sau đó số tiền thanh toán còn lại 54.979. 895 đồng sẽ được trừ vào số tiền mà bà H giao dịch nên còn dư nợ gốc số tiền 48.578.742 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nên ngày 06/10/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 48.578.742 còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 13/12/2024, bà H còn nợ Ngân hàng của hợp đồng thẻ tín dụng gồm: Dư nợ gốc số tiền 48.578.742 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2023 tạm tính đến ngày 13/12/2024 với mức lãi suất 3,72%/tháng số tiền 26.240.425 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà H phải trả số tiền nêu trên 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Từ 14/12/2024, bà H phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc nêu trên cho đến khi thanh toán hết cho Ngân hàng. Ngân hàng chỉ yêu cầu bà H trả nợ Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp. Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho bà H. Trường hợp, bà H có chồng thì Ngân hàng không yêu cầu chồng của bà H cùng có trách nhiệm với bà H cùng giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

Bị đơn bà H không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa:

- Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Chung Xuân M ngày 18/02/2025 như sau: Buộc bà Đặng Thị Mai H

trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 78.858.329 đồng của thẻ Visa số thẻ 436438-2059 gồm: Nợ gốc 48.578.742 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 18/02/2025 số tiền 30.279.587 đồng với mức lãi suất 3,72%/tháng. Trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Đặng Thị Mai H vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bà Đặng Thị Mai H trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/10/2020 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo kết quả xác minh của Công an Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “ Bà Đặng Thị Mai H, sinh năm 1970 hiện đang tạm trú số H L, Phường V, Quận C”. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà H có địa chỉ tại số H L, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn bà H được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, Điều 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc bà Đặng Thị Mai H trả cho

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 78.858.329 đồng của thẻ Visa số thẻ 436438-2059 gồm: Nợ gốc 48.578.742 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 18/02/2025 số tiền 30.279.587 đồng với mức lãi suất 3,72%/tháng, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/10/2020 của bà H đối với Ngân hàng TMCP S thì bà H được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 62.000.000 đồng loại thẻ Visa Platium số thẻ 436438-2059.

[2.1.2] Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”* và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*, tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về nguyên tắc sử dụng thẻ như sau: *“ 2. Khi sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ được thấu chi, chủ thẻ phải sử dụng tiền đúng mục đích và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho TCPHT các khoản tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo hợp đồng đã ký với TCPHT.*

3. Phạm vi sử dụng thẻ:

a) Thẻ ghi nợ, thẻ trả trước định danh được sử dụng để thực hiện các giao dịch thẻ theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT;

b) Thẻ tín dụng được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ; nạp, rút tiền mặt theo thỏa thuận giữa chủ thẻ với TCPHT;

c) Thẻ trả trước vô danh chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ và không được rút tiền mặt;

d) Thẻ phụ phát hành cho chủ thẻ phụ dưới 15 tuổi không được rút tiền mặt và chỉ được sử dụng để thanh toán đúng mục đích đã xác định theo thỏa thuận bằng văn bản giữa TCPHT và chủ thẻ chính.”. Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định tại khoản 1.9 Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: *“ Dư nợ là số tiền mà Chủ thẻ đã sử dụng bao gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan đến việc sử dụng thẻ”*, tại Điều 18 quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: *“... Chủ thẻ*

có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của S1 và việc thanh toán này sẽ không bị gián đoạn bởi bất kỳ lý do gì...”, tại Điều 19 quy định về thời hạn thanh toán như sau: “Chủ thẻ phải thanh toán cho S1 số tiền đến hạn hoặc số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo giao dịch...”, tại Điều 21 quy định về thứ tự thanh toán như sau: “Trừ trường hợp S1 có quy định khác, việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.”, và tại Điều 24 quy định về vi phạm như sau: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S1 và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ...” thì đối chiếu bản tóm tắt sao kê của bà H thể hiện giao dịch từ ngày 05/11/2020 cho đến ngày 05/10/2023 của thẻ tín dụng số 436438-2059 còn dư nợ số tiền 48.578.742 đồng, bà H không thanh toán đến nay cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà H phải trả số tiền 48.578.742 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”.

[2.2.2] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 23 quy định về cách tính lãi như sau: “Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên thẻ.” và tại Điều 24 về vi phạm như sau: “Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng.

Trường hợp chủ thẻ có bất kỳ khoản nợ nào khác tại S1 và/hoặc tại bất cứ tổ chức tín dụng nào khác phát sinh quá hạn, dư nợ của chủ thẻ theo hợp đồng cũng được xem là quá hạn và chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ dư nợ.

Khi vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng S1 có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- Tạm ngưng hoặc chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ dư nợ.

- Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ ...”. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng và chuyển nợ quá hạn thẻ tín dụng nêu trên từ ngày 06/10/2023 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.3] Căn cứ theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 của Ngân hàng TMCP S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam quy định đối với thẻ tín dụng với mức lãi trong hạn là 2,48%/tháng nên Ngân hàng áp dụng mức lãi suất quá hạn 3,72%/tháng đối với thẻ tín dụng số 436438-2059 tính từ ngày 06/10/2023 đến ngày 18/02/2025 số tiền 30.279.587 đồng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.942.916 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận số tiền 78.858.329 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228

, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N.

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Đặng Thị Mai H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 78.858.329 đồng gồm: Gốc 48.578.742 đồng và lãi quá hạn từ ngày 06/10/2023 đến ngày 18/02/2025 số tiền 30.279.587 đồng của thẻ Visa số thẻ 436438-2059 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/10/2020. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Đặng Thị Mai H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền 48.578.742 đồng cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09/10/2020 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Mai H phải chịu án phí số tiền 3.942.916 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.630.842 đồng theo biên lai thu tiền số 0059115 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn Đặng Thị Mai H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn